

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**SỐ: 01-GX/LTV/2025**

**KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL  
CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO**

2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01-GX/LTV/2025

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm:**

**KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO**

**2. Thành phần:**

Chất tạo ngọt tự nhiên: Xylitol 39%, Maltitol, Siro maltitol; cốt gôm; tinh bột khoai mì; hương liệu nho nhân tạo; hương liệu bạc hà giống tự nhiên; chất làm dày (INS 414); chất làm rắn chắc (Dicalci hydro phosphat); chất làm bóng (INS 903, INS 901, INS 904); chất tạo ngọt tổng hợp (INS 951); chất tạo màu tổng hợp (INS 124, INS 133).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 18 tháng kể từ ngày sản xuất

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**4.1. Quy cách đóng gói:**

- Gum được đóng gói thành dạng vỉ. Sau đó, vỉ gum được đặt trong gói ngoài.

Khối lượng tịnh: 8,7 g (mỗi vỉ có 6 viên gum).

- 15 vỉ gum được đóng gói vào hộp giấy. Khối lượng tịnh: 130,5 g (15 vỉ x 8,7 g)

**4.2. Chất liệu bao bì:**

Mặt trên nhựa PVC (dày 0.25mm) ghép mặt dưới là màng nhôm (dày 0.02 mm), bao gói ngoài chất liệu OPP<sub>20</sub>/ MCPP<sub>25</sub> chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12 – 1:2011/BYT.



**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản xuất tại: Công ty TNHH Lotte Việt Nam

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư 09/VBHN-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- Thông tư 29/2023/TT-BYT thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn hàng hóa
- Tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm cụ thể do Nhà sản xuất xây dựng (đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Bình Dương, ngày 28 tháng 05 năm 2025

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP** Ngay



**Tổng Giám Đốc  
OGAWA TAKAAKI**

**TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**  
**KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO**

Số: 01-GX/LTV/2025

**\* CHỈ TIÊU CẢM QUAN**

- Trạng thái: Viên gum hình chữ nhật; Lớp ngoài giòn, lõi trong dẻo
- Màu sắc : Màu tím
- Mùi vị : Vị ngọt, hương nho

**\* CHỈ TIÊU HOÁ LÝ:** Áp dụng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn
Độ ẩm	%	$\leq 3$
Hàm lượng xylitol	%	$\geq 39$
Hàm lượng sunphua dioxyt	mg/kg	$\leq 10$

**\* CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG:** Áp dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Hàm lượng niken	mg/kg	1
Hàm lượng chì	mg/kg	1
Hàm lượng asen	mg/kg	0.5

**\* CHỈ TIÊU VI SINH:** Áp dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$10^4$
Coliforms	MPN/g	10
E.Coli	MPN/g	0
Staphylococcus aureus	CFU/g	3
Bacillus cereus	CFU/g	10
Clostridium perfringens	CFU/g	10
Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/g	$10^2$

Bình Dương, ngày 28 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



**Tổng Giám Đốc**  
**OGAWA TAKAAKI**

**XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG  
KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHIO TRẺ EM HƯƠNG NIHO**

**Bảng tiêu chuẩn dinh dưỡng**

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị dinh dưỡng trong 100 g (trên nhãn)</b>	<b>Khoảng giá trị dinh dưỡng cho phép trong 100 g</b>
Năng lượng	kcal	349	279 – 419
Carbohydrat	g	84,2	67,4 – 101,0
Đường tổng số	g	0,0	0,0
Chất béo	g	1,3	1,0 – 1,6
Natri	mg	19,3	15,4 – 23,2

*Bình Dương, ngày 28 tháng 05 năm 2025*

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP** *Ngaz*



**Tổng Giám Đốc  
OGAWA TAKAAKI**



**LOTTE**

**CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam  
Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471



Sản phẩm	<b>KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO</b>
Hương	Hương nho
Loại bao bì	Màng vỉ
Khối lượng tịnh	8,7 g



<p>Phê duyệt TGD</p>  <p>Ogawa Takaaki</p>	<p>Phê duyệt PGĐNM</p>  <p>Hồ Thị Kim Ngân</p>	<p>Kiểm tra thiết kế Marketing</p>  <p>Mai Trung Hiếu</p>	<p>Kiểm tra nội dung Phòng QA</p>  <p>Nguyễn Thị Hồng Tâm</p>
---	---	---	--

**LOTTE**

**CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471



Sản phẩm	<b>KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO</b>
Hương	Hương nho
Loại bao bì	Màng vỉ
Khối lượng tịnh	8,7 g



<p>Phê duyệt TGD</p>  <p>Ogawa Takaaki</p>	<p>Phê duyệt PGĐNM</p>  <p>Hồ Thị Kim Ngân</p>	<p>Kiểm tra thiết kế Marketing</p>  <p>Mai Trung Hiếu</p>	<p>Kiểm tra nội dung Phòng QA</p>  <p>Nguyễn Thị Hồng Tâm</p>
---	---	---	--

**LOTTE**

**CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam  
 Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471



Sản phẩm	<b>KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHÔ</b>
Hương	Hương nhô
Loại bao bì	Màng vỉ
Khối lượng tịnh	8,7 g



<p>Phê duyệt TGD</p>  <p>Ogawa Takaaki</p>	<p>Phê duyệt PGĐNM</p>  <p>Hồ Thị Kim Ngân</p>	<p>Kiểm tra thiết kế Marketing</p>  <p>Mai Trung Hiếu</p>	<p>Kiểm tra nội dung Phòng QA</p>  <p>Nguyễn Thị Hồng Tâm</p>
---	---	---	--

**LOTTE**

**CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471



Sản phẩm	<b>KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO</b>
Hương	Hương nho
Loại bao bì	Màng vỉ
Khối lượng tịnh	8,7 g



<p>Phê duyệt TGD</p>  <p>Ogawa Takaaki</p>	<p>Phê duyệt PGĐNM</p>  <p>Hồ Thị Kim Ngân</p>	<p>Kiểm tra thiết kế Marketing</p>  <p>Mai Trung Hiếu</p>	<p>Kiểm tra nội dung Phòng QA</p>  <p>Nguyễn Thị Hồng Tâm</p>
---	---	---	--



Sản phẩm	<b>KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO</b>
Hương	Hương nho
Loại bao bì	Màng vỉ
Khối lượng tịnh	8,7 g

**THÔNG TIN DINH DƯỠNG**

Thành phần dinh dưỡng	Trong 100 g
Năng lượng	349 kcal
Carbohydrat	84,2 g
Đường tổng số	0,0 g
Chất béo	1,3 g
Natri	19,3 mg

Khối lượng tịnh: 8,7 g

**KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO**

**LOTTE XYLITOL**

**KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG**

**CHO TRẺ EM**

**HƯƠNG NHO**

**Ngăn ngừa sâu răng**

**LOTTE XYLITOL**

© 1970-2025 Fujiko Pro  
Licensed by Animation InTV / TAGGER

**Doraceman**

8 934677 04501 4

5 mm

10 mm

10 mm

Phê duyệt TGD   Ogawa Takaaki	Phê duyệt PGĐNM   Hồ Thị Kim Ngân	Kiểm tra thiết kế Marketing   Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng QA   Nguyễn Thị Hồng Tâm
--	--	--	---

# LOTTE

## CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471



Sản phẩm	KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO
Hương	Hương nho
Loại bao bì	Hộp
Khối lượng tịnh	130,5 g (15 vỉ x 8,7 g)



**KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM HƯƠNG NHO**

**Thành phần:** Chất tạo ngọt tự nhiên: Xylitol 39%, Maltitol, Siro maltitol; cốt gôm; tinh bột khoai mì; hương liệu nho nhân tạo; hương liệu bạc hà giống tự nhiên; chất làm dày (INS 414); chất làm rắn chắc (Dicalci hydro phosphat); chất làm bóng (INS 903, INS 901, INS 904); chất tạo ngọt tổng hợp (INS 951); chất tạo màu tổng hợp (INS 124, INS 133).

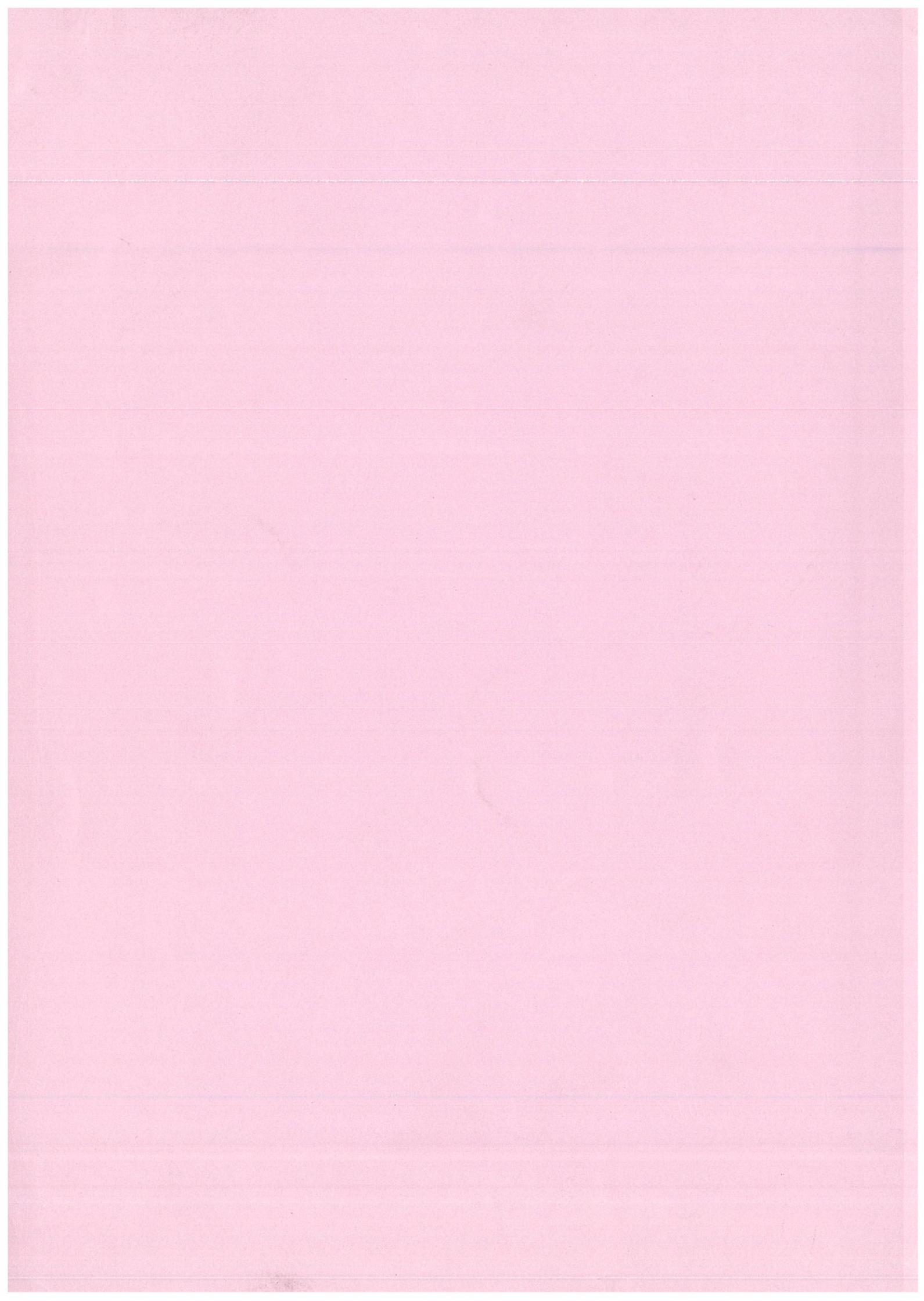
*Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa lecithin đậu nành.*

**Tự công bố sản phẩm số:** 01-GX/LTV/2025

**Ngày sản xuất/Hạn sử dụng:** Xem trên bao bì

THÔNG TIN DINH DƯỠNG	
Thành phần dinh dưỡng	Trong 100 g
Năng lượng	349 kcal
Carbohydrat	84,2 g
Đường tổng số	0,0 g
Chất béo	1,3 g
Natri	19,3 mg

Phê duyệt TGD	Phê duyệt PGĐNM	Kiểm tra thiết kế Marketing	Kiểm tra nội dung Phòng QA
Ogawa Takaaki	Hồ Thị Kim Ngân	Mai Trung Hiếu	Nguyễn Thị Hồng Tâm



KT3-01753BTP5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

04/04/2025  
Page 01/03

1. Tên mẫu  
*Name of sample* : **KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM - HƯƠNG NHO**  
**LOTTE XYLITOL CHEWING GUM FOR KIDS – GRAPE FLAVOR**
2. Mô tả mẫu  
*Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
Mẫu đựng trong túi nhựa.  
*As received sample is contained in plastic bag.*
3. Số lượng mẫu  
*Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu  
*Date of receiving* : 26/03/2025
5. Thời gian thử nghiệm  
*Testing duration* : 27/03/2025 - 04/04/2025
6. Nơi gửi mẫu  
*Customer* : **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**  
**Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
7. Kết quả thử nghiệm  
*Test results* : Xem trang / *See page* 02,03/03

**TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**  
**HEAD OF FOOD TESTING LAB.**



**Nguyễn Thành Công**

**TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /**  
**HEAD OF TESTING LAB.**



**Ngô Quốc Việt**

KT3-01753BTP5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

04/04/2025  
Page 02/03



7. Kết quả thử nghiệm :  
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ ẩm, Moisture content	g/100 g	TCVN 4069 : 2009		-	1,07
7.2. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 <sup>-2</sup>		Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng niken, Nickel content	mg/kg	QTTN/KT3 245:2019 (Ref: AOAC 975.34)	0,2		Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016	3,00 x 10 <sup>-2</sup>		Không phát hiện Not detected
7.5. Định danh phẩm màu hữu cơ tổng hợp tan trong nước <sup>(2)</sup> Identification of water-soluble synthetic organic colouring matter		TCVN 5517 : 1991		-	Brilliant blue Ponceau 4R
7.6. Hàm lượng sunphit tính theo SO <sub>2</sub> , Sulfite content as SO <sub>2</sub>	mg/kg	AOAC 2019 (990.28)	2,0		Không phát hiện Not detected
7.7. Coliform,	CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> Less than
7.8. <i>Staphylococcus aureus</i> ,	CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> Less than
7.9. <i>E.Coli</i> ,	CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> Less than
7.10. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Total aerobic plate count	CFU/g	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> Less than
7.11. Tổng số nấm men & nấm mốc, Total yeasts & moulds	CFU/g	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> Less than

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-01753BTP5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

04/04/2025  
 Page 03/03



7. Kết quả thử nghiệm :  
*Test results*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i> ( $\geq$ )	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.12. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	TCVN 4991 : 2005	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>
7.13. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932:2004 – Amd 1:2020	-		Nhỏ hơn 10 <sup>(1)</sup> <i>Less than</i>

**Ghi chú/ Note:**

- (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.  
*According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*
- (2): Màu được khảo sát trên các chuẩn màu sau/ *The color is determined based on standard colors: Carmoisine (Azorubine), Allura red, Amaranth, Ponceau 4R, Erythrosine, Quinoline yellow, Tartrazine, Brilliant blue, Indigocarmine, Brown HT, Fast Green, Patent blue, Sunset yellow.*

**QUATEST 3®**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .*

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*

Test Report No.VNT/F25/035242  
Dated 02/04/2025  
**Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/035242**  
Ngày 02/04/2025



Add value.  
Inspire trust.

Note: This report is issued subject to the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group and the General Terms and Conditions of Business of TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. In addition, this report is governed by the terms set out within this report.

Lưu ý: Báo cáo này được phát hành tuân theo Quy định về Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD cũng như Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh Chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam. Ngoài ra, báo cáo này chịu sự điều chỉnh của các điều khoản được nêu trong báo cáo.

**Applicant**  
Tên khách hàng : **LOTTE VIETNAM COMPANY LIMITED**  
**CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**  
Plot No. 1183, Vo Minh Duc Street, Phu Tho Ward, Thu Dau Mot City,  
Binh Duong Province, Vietnam.  
Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố  
Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**Attention**  
Người liên hệ : Ms. Quyen

**Date of receiving**  
Ngày nhận mẫu : 24/03/2025 (09:00)

**Temperature of sample as received**  
Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận : Room temperature  
Nhiệt độ thường

**State of sample as received**  
Mô tả tình trạng mẫu khi nhận : Sample intact in packaging and label  
Mẫu nguyên vẹn trong bao bì và nhãn hiệu

**Test Period**  
Thời gian thử nghiệm : 24/03/2025 – 02/04/2025

**Sample Description**  
Tên mẫu : **LOTTE XYLITOL CHEWING GUM FOR KIDS - GRAPE FLAVOR**  
**KẸO GUM KHÔNG ĐƯỜNG LOTTE XYLITOL CHO TRẺ EM**  
**HƯƠNG NHO**



Note: The submitted samples were not taken by laboratory/ Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm  
The information was provided by client/ Thông tin được cung cấp bởi khách hàng  
Sample storage period 1 week after issuing the test report/ Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm  
This testing result is only valid on the tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử



Laboratory:  
TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.  
Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group  
III, Tan Binh I.P, Tay Thanh Ward, Tan  
Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

VILAS 487

Phone :+ 84-28-626785/11  
Fax : +84-28-62678511  
E-Mail: info.vn@tuvsud.com  
https://www.tuvsud.com/vi-vn

The results reported herein have been performed in accordance with the terms of accreditation under the Vietnam Bureau of Accreditation. Tests marked "Not Accredited" in this Report are not included in the BoA Accreditation Schedule for our laboratory.

Các kết quả được báo cáo ở đây đã được thực hiện theo các điều khoản công nhận của Văn phòng Công nhận Việt Nam. Các chỉ tiêu được đánh dấu là "Chưa được Công nhận" trong Báo cáo này chưa có trong danh mục công nhận của BoA cho phòng thí nghiệm.

Regional Head Office:  
TÜV SÜD Asia Pacific Pte. Ltd.  
15 International Business Park  
TÜV SÜD @ IBP  
Singapore 609937  
**TÜV®**

**Test Report No.VNT/F25/035242**  
 Dated 02/04/2025  
**Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/035242**  
 Ngày 02/04/2025



**TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:**

No. STT	Specification Chỉ tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
1.	Ash content Tro tổng	g/100g	TPV-LAB-FTP-242 (Ref. GB 5009.4-2016)	3.99	-
2.	Dietary fiber Chất xơ dinh dưỡng	g/100g	TPV-LAB-FTP-239 (Ref. AOAC 991.43)	9.52	-
3.	Energy (excluding Dietary Fiber) Năng lượng (không bao gồm chất xơ)	Kcal/100g	Calculate from fat, protein, carbohydrate (excluding dietary fiber)	349	-
4.	Energy from Fat Năng lượng tính từ béo	kcal/100g	Calculate from fat	11.88	-
5.	Protein (Nx6.25) Chất đạm	g/100g	TCVN 10034:2013 ISO 1871:2009	Not detected Không phát hiện	0.2
6.	Carbohydrate (excluding Dietary Fiber) Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100g	Ref. AOAC 986.25 & Calculate	84.21	-
7.	Total Sugars Đường tổng số	g/100g	TPV-LAB-FTP-228 (Ref. TCVN 4594-88)	Not detected Không phát hiện	0.2
8.	Total Fat Chất béo	g/100g	TPV-LAB-FTP-244 (Ref AOAC 996.06)	1.32	-
9.	Sodium (Na) Natri	mg/100g	TPV-LAB-FTP-256 (ICP-MS)	19.3	-
10.	Xylitol	%	HPLC (*)	40.0	-

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	349	Kcal	17.5%
Chất đạm (Protein)	0	g	0%
Carbohydrat (Carbohydrate)	84.2	g	25.9%
Đường tổng số (Total Sugars)	0	g	-
Chất béo (Total Fat)	1.3	g	2.4%
Natri (Sodium)	19.3	mg	1.0%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày dựa trên chế độ ăn 2000 Kcal/người/ngày.

Checked By

**Hoang Thi Hai Yen**  
Operation Manager

Authorized By



**Nguyen Thi Chan**  
FHB Manager

**Test Report No.VNT/F25/035242**  
**Dated 02/04/2025**  
**Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/035242**  
**Ngày 02/04/2025**



Please note that this Report is issued under the following terms :

1. This report applies to the sample of the specific product/equipment given at the time of its testing. The results are not used to indicate or imply that they are applicable to other similar items. In addition, such results must not be used to indicate or imply that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. approves, recommends or endorses the manufacturer, supplier or user of such product/equipment, or that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any way "guarantees" the later performance of the product/equipment. Unless otherwise stated in this report, no tests were conducted to determine long term effects of using the specific product/equipment.
2. The sample/s mentioned in this report is/are submitted/supplied/manufactured by the Client. TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. therefore assumes no responsibility for the accuracy of information on the brand name, model number, origin of manufacture, consignment or any information supplied.
3. Nothing in this report shall be interpreted to mean that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. has verified or ascertained any endorsement or marks from any other testing authority or bodies that may be found on that sample.
4. This report shall not be reproduced wholly or in parts and no reference shall be made by the Client to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. or to the report or results furnished by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any advertisements or sales promotion.
5. Unless otherwise stated, the tests were carried out in TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd., Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III, Tan Binh I.P, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
6. The tests carried out by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. and this report is subject to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.'s General Terms and Conditions of Business and the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group.

Effective 01 April 2024

**Xin lưu ý rằng Báo cáo này được phát hành theo các điều khoản sau:**

1. Báo cáo này áp dụng cho mẫu sản phẩm/thiết bị cụ thể được cung cấp tại thời điểm thử nghiệm. Các kết quả không được sử dụng để biểu thị hoặc ngụ ý rằng chúng có thể áp dụng cho các mặt hàng tương tự khác. Ngoài ra, không được sử dụng các kết quả đó để chỉ ra hoặc ngụ ý rằng Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam phê duyệt, khuyến nghị hoặc xác nhận nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc người sử dụng sản phẩm/thiết bị đó hoặc Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào "đảm bảo" hiệu suất sau này của sản phẩm/thiết bị. Trừ khi có quy định khác trong báo cáo này, không có thử nghiệm nào được tiến hành để xác định tác động lâu dài của việc sử dụng sản phẩm/thiết bị cụ thể.
2. (Các) mẫu được đề cập trong báo cáo này là/được gửi/cung cấp/sản xuất bởi Khách hàng. Do đó, Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tên thương hiệu, số model, nguồn gốc sản xuất, lô hàng hoặc bất kỳ thông tin nào được cung cấp.
3. Không nội dung nào trong báo cáo này được hiểu là Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam đã xác minh hoặc xác nhận bất kỳ chứng thực hoặc dấu hiệu nào từ bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức kiểm định nào khác có thể tìm thấy trên mẫu đó.
4. Báo cáo này sẽ không được sao chép toàn bộ hoặc từng phần và Khách hàng sẽ không tham chiếu đến Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam hoặc báo cáo hoặc kết quả do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cung cấp trong bất kỳ quảng cáo hoặc khuyến mại nào.
5. Trừ khi có quy định khác, các thử nghiệm được thực hiện tại Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam, Lô III-26, Đường 19/5A, Cụm Công nghiệp III, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
6. Các thử nghiệm do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam thực hiện và báo cáo này tuân theo Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cũng như Quy định Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD.

Hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2024.

-- END OF TEST REPORT/ KẾT THÚC BÁO CÁO THỬ NGHIỆM --